TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sum
2. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Lo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 250/12 Khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **A**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 27/3 Tổ 12, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà T ngày 12-6-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 23 tháng 02 năm 2016.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sau khi kết hôn ông bà về sống chung bên cha mẹ chồng nên có sự bất đồng tình cảm giữa mẹ chồng và nàng dâu, còn ông A đi xa, 2-3 tuần về 01 ngày rồi đi tiếp và cũng không quan tâm đến vợ con. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không có sự hài hòa đồng cảm, quan niệm sống bất đồng, thường xuyên cự cải nhau về việc gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày phai lạc. Đến đầu tháng 5 năm 2017, do mâu thuẫn với mẹ chồng phức tạp nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên H (nữ), sinh ngày 22-4-2015. Cháu hiện đang sống với bà nội. Nay bà xin được nuôi con và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

Theo các lời khai của ông A trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ bà T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu, tuy nhiên việc mâu này ông mới biết. Vợ chồng trong quá trình chung sống không có xảy ra mâu thuẫn gì, nhưng do mâu thuẫn đến thời điểm này đã thực sự nghiêm trọng nên ông đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung, hiện tại cháu đang sống với bà nội nên ông xin quyền tiếp tục nuôi con và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông A thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn; nếu Tòa án buộc cho ly hôn thì ông giành quyền quyền nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Bà T có đơn khởi kiện đối với ông A về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con. Bà T và ông A chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Ông A có nơi cư trú tại số 27/3 Tổ 12, ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn chưa thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên mở phiên tòa xét xử công khai.

[3] *Xét về yêu cầu của nguyên đơn*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2014 và đã có 01 con chung, nhưng khi mâu thuẫn xảy ra, ông bà không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa, mà để tình cảm vợ chồng ngày càng phai lạc, thậm chí ly thân từ cuối tháng 5 năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa ông A thay đổi ý kiến và cho rằng còn thương vợ, không muốn ly hôn, nhưng từ khi Tòa án hòa giải đến nay, ông A không có biện pháp nào để cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Điều này cho thấy ông A không có thiện chí đoàn tụ, vì vậy xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T cho bà và ông A ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên H (nữ), sinh ngày 22-4-2015. Cháu hiện đang sống với ông A. Ông bà đều giành quyền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, đến thời điểm này cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định của pháp luật sẽ ưu tiên cho người mẹ nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H là nữ nên để cho mẹ chăm sóc, giáo dục sẽ phù hợp hơn.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông A, không ai có quyền ngăn cản, theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Cả hai đều xác định không có.

Về nợ chung: Cả hai đều xác định không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với ông A.

2/ Về con chung: Giao cháu H (nữ), sinh ngày 22 tháng 4 năm 2015 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông A theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không có. Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Cả hai đều xác định không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

5/ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 004982 ngày 26-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà T đã nộp xong án phí.

6/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- Chi Cục THADS H. P;
- UBND xã G, H. P (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phi Long